**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| Thơ 4 chữ, 5 chữ |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học (Yêu cầu tác phẩm ngoài sách giáo khoa) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ 4 chữ, 5 chữ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng**:  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| Truyện ngắn | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

…Hạt gạo làng ta  
Có bão tháng bảy  
Có mưa tháng ba  
Giọt mồ hôi sa  
Những trưa tháng sáu  
Nước như ai nấu  
Chết cả cá cờ  
Cua ngoi lên bờ  
Mẹ em xuống cấy…  
 (Trích “*Hạt gạo làng ta*” – Trần Đăng Khoa)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1.**  B[iện pháp tu từ](http://vanhay.edu.vn/mot-bien-phap-tu-tu-co-xuat-hien-trong-de-doc-hieu-ngu-van)được sử dụng trong câu thơ:“Nước như ai nấu/ Chết cả cá cờ” là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. So sánh | C. Ẩn dụ |
| B. Nhân hóa | D. Hoán dụ |

**Câu 2.**  Từ ***lên*** trong câu thơ “*Cua ngoi lên bờ*” là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phó từ | C. Danh từ |
| B. Động từ | D. Tính từ |

**Câu 3.**  Các từ ***bảy, ba, sáu*** trong đoạn thơ trên là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phó từ | C. Lượng từ |
| B. Số từ | D. Chỉ từ |

**Câu 4.**  Hiệu quả của phép tu từ được sử dụng trong hai câu thơ Nước như ai nấu/Chết cả cá cờ là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Gợi ra được sức nóng của nước, đồng thời gợi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân. | C. Gợi ra mức độ khắc nghiệt của thời tiết, làm hình ảnh hiện lên cụ thể hơn |
| B. Gợi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân, làm hình ảnh hiện lên cụ thể hơn | D. Hình ảnh hiện lên cụ thể hơn, gợi được sức nóng của nước, mức độ khắc nghiệt của thời tiết; đồng thời gợi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân. |

**Câu 5.**  Cặp câu thơ nào có sử dụng hình ảnh tương phản:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cua ngoi lên bờ  Mẹ em xuống cấy… | C. Có bão tháng bảy  Có mưa tháng ba |
| B. Giọt mồ hôi sa  Những trưa tháng sáu | D. Nước như ai nấu  Chết cả cá cờ |

**Câu 6.**  Những giá trị của “hạt gạo làng ta” mà tác giả muốn khẳng định qua đoạn thơ là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Hạt gạo là sự kết tinh của công sức lao động vất vả của con người lẫn tinh hoa của trời đất. | C. Hạt gạo là sự kết tinh của tinh hoa của trời đất, mang cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần. |
| B. Hạt gạo là sự kết tinh của công sức lao động vất vả của con người lẫn tinh hoa của trời đất, mang cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần. | D. Hạt gạo là sự kết tinh của công sức lao động vất vả của con người, mang cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần. |

**Câu 7.**  Từ ***sa*** trong câu thơ “Giọt mồ hôi sa” có nghĩa là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Rơi xuống, lao xuống | C. Đi xuống |
| B. Ngã xuống | D. Đi đến một nơi nào đó |

**Câu 8.**  Cách gieo vần của đoạn thơ dưới đây là:

Hạt gạo làng **ta**  
 Có bão tháng bảy  
 Có mưa tháng **ba**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vần lưng | C. Vần lưng, vần liền |
| B. Vần chân | D. Vần chân, vần cách |

**Câu 9.**  Bài học mà em rút ra được qua đoạn trích trên là gì?

**Câu 10.**  Nhận xét về những nét nghệ thuật tiêu biểu trong đoạn thơ trên?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

**Viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật trong đoạn trích sau:**

**HƯỚNG DẪN CHẤM – GỢI Ý LÀM BÀI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
| **9** | - Khái quát được quan điểm của tác giả trong đoạn trích.  - Nêu được quan điểm: đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần.  - Lí giải được lí do lựa chọn quan điểm của bản thân. | 1,0 |
| **10** | - Nhận xét chung về cách lập luận của tác giả trong đoạn trích.  - Nêu được những điều học được ở cách lập luận từ đoạn trích. | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài* *phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.*  Mở bài : giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật, Thân bài : phân tích đặc diểm nhân vật, Kết bài : Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *phân tích đặc điểm nhân vật* | 0,25 |
|  | *c. Phân tích đặc điểm nhân vật*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 2,5 |
| - Chỉ ra các đặc điểm nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  - Nhận xét nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, có cách nhìn mới mẻ, suy nghĩ sâu sắc về nhân vật | 0,5 |